

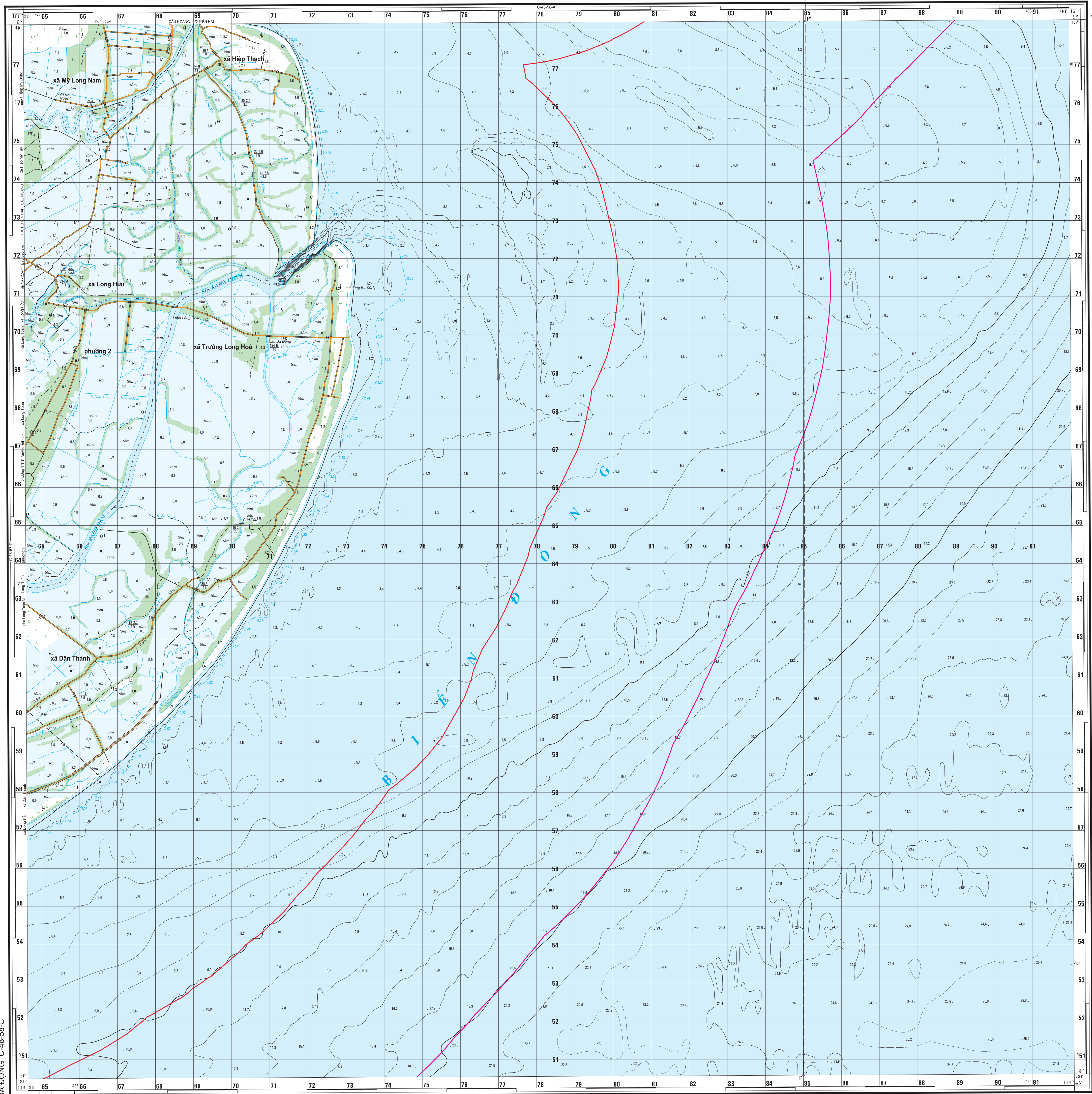
BẢN ĐỒ ĐƯỜNG RANH GIỚI NGOÀI VÙNG BIỂN 03 HẢI LÝ VÀ VÙNG BIỂN 06 HẢI LÝ CỦA ĐẤT LIÊN

BA ĐỘNG C-48-58-C

TRÀ VINH	THAM PHỤ	C-48-58-B
DUYÊN HẢI	BA ĐỘNG	C-48-58-D
C-48-58-B	C-48-70-A	C-48-70-B



TRÀ VINH - T.X. DUYÊN HẢI, CẦU NGANG



BA ĐỘNG C-48-58-C

BA ĐỘNG C-48-58-C

1:50 000
1 cm bằng 500 m thực địa

ĐƯỜNG RANH GIỚI NGOÀI VÙNG BIỂN 03 HẢI LÝ VÀ VÙNG BIỂN 06 HẢI LÝ

	Khu phố nhà đông đúc
	Khu phố nhà thưa thớt
	Nhà độc lập
	Làng có cây che phủ
	Sân bay; Lô cốt
	Nhà thờ; Đình, chùa, đền
	Bệnh viện; Trường học
	Trạm biến thế; Trạm bưu điện
	Trạm cao; Tháp cao; Tháp cổ
	Nhà máy; Cầu - không có ống khói

	Biên giới quốc gia
	1. Đê xác định; 2. Chứa xác định; 3. Mốc và số hiệu mốc
	Địa giới tỉnh; a. Địa xác định; b. Chứa xác định
	Địa giới huyện; a. Địa xác định; b. Chứa xác định
	Địa giới xã; a. Địa xác định; b. Chứa xác định
	Đường sắt; Đường 1; Đường 2; Xe buýt
	Đường 3; Đường 4; Đường 5
	Bờ đê; Bờ sông; Bờ biển

	Cầu bê tông; Cầu tre; Cầu gỗ
	Cầu phan; Cầu cọc; Cầu dây văng
	Bến đò; Bến xe; Bến thuyền
	Phao tín hiệu; Đèn hải đăng
	Đập; Đập tràn; Đập chắn sóng
	Thác; Cồn lùn
	Mạch nước khoáng; Nước nóng; Giếng nước
	Công trình đường bộ; Đê
	Ấu thuyền; Đèn biển; Trạm thủy văn
	Giàn chui dây; Cát xém; Bùn cát xém
	Bình độ sâu của bình độ sâu cơ bản; ghi chú bình độ sâu và ghi chú điểm độ sâu
	Bình độ cao bình độ cơ bản; ghi chú bình độ, điểm độ cao và ghi chú điểm độ cao

	a. Đường bờ; b. Đường ngập nước
	Đường bờ và đường ngập nước
	Sông, suối có nước theo mùa
	Đoạn sông, suối khô xác định
	Sông, hồ khô cạn
	Kênh, mương; a. Rừng trên 25m; b. Từ 8-25m; c. dưới 8m
	Màng chắn nước
	Cống điều tiết nước; Tràn mương
	Bãi cát ngập nước; Bãi cát khô
	Bãi đá ven bờ; Bãi dưới nước; Núi, chòm núi
	Điểm ga; 1. Mức nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm (hoặc ở đường bình độ kế theo); 2. Mức nước biển cao nhất trung bình nhiều năm
	Đường ngập nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm
	Đường ranh giới ngoài vùng biển 03 hải lý và vùng biển 06 hải lý

	Rừng ứ đọng; Là rừng; Là kim; Tr. nưa
	Rừng non; Là rừng; Là kim; Tr. nưa
	Rừng hỗn hợp; Rừng thưa; Rừng cây bụi
	Cây trồng thành rừng; Thân gỗ; Dưa; có; Bụi
	Cây trồng thành rừng; Thân gỗ; Dưa; có; Bụi
	Lúa; Mía; Cỏ; Rau; cây
	Bụi rải rác; Cây độc lập; Cụm cây độc lập
	Điểm lấy nước ngọt; Điểm lấy nước mặn; Bãi biển
	Vùng nuôi cấy; ruộng muối; nuôi trồng thủy sản
	Đá độc lập; Hồ; Cửa hang động; Khu đảo bãi
	Gò đống; Đường binh độ về nhập
	Ranh giới khu vực nguy hiểm theo tỷ lệ và phi tỷ lệ

Thuộc độ dốc

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Bản đồ được thành lập tại Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam năm 2021 theo các tài liệu:

- Bản đồ được thành lập trên cơ sở bản đồ đường mức nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố theo Quyết định số 1770/QĐ-BTNMT ngày 06/02/2018.
- Hệ quy chiếu: Hệ tọa độ Quốc gia VN 2000
- Hệ cao độ Quốc gia
- Kinh tuyến trung ương 105° 00' 00"
- Loại chiếu hình trụ ngang đồng góc